

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-PT
Ngày: 10/01/2023
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương.

- Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trường C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường P, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2022)

Địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1968;

Hộ khẩu thường trú: Đường Đ, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: Cụm dân cư G, ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đường Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Hữu T: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985; (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2022)

Địa chỉ: Đường L, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Khoa Hoàng Y, sinh năm 1971;

3.2. Chị Nguyễn Khoa Hoàng A, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Đường P, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Anh Huỳnh Trần Hữu Công G, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Đường Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trường C, là nguyên đơn của vụ án.

(Anh Trần Đình H, bà Nguyễn Khoa Hoàng Y bà Nguyễn Thị Tuyết M có mặt; Bà Trần Thị Mỹ D, chị Nguyễn Khoa Hoàng A và anh Huỳnh Trần Hữu Công G, vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Trường C có anh Trần Đình H đại diện trình bày:

Ông C, bà Y cho vợ chồng bà D, ông T vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 21/4/2018, vay 10.000.000 đồng; ngày 26/4/2018, vay 50.000.000 đồng; ngày 10/5/2018, vay 60.000.000 đồng; ngày 20/5/2018, vay 30.000.000 đồng; ngày 01/6/2018, vay 20.000.000 đồng; ngày 18/6/2018, vay 50.000.000 đồng; ngày 15/7/2018, vay 25.000.000 đồng; ngày 26/8/2018, vay 50.000.000 đồng; ngày 06/10/2018, vay 20.000.000 đồng; ngày 04/3/2019, vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng (tất cả có biên nhận). Tháng 4/2019, vay số tiền 30.000.000 đồng (không có làm biên nhận). Thời gian sau vợ chồng bà D, ông T trả nợ số tiền 46.000.000 đồng, còn lại 399.000.000 đồng. Vợ chồng bà D hứa khi nào ông C cần sử dụng tiền thì vợ chồng bà D sẽ trả lại nhưng khi ông C đã nhiều

lần yêu cầu trả nợ thì vợ chồng bà D cố tình né tránh, không trả nợ cho ông C. Số tiền cho vay là của vợ chồng ông C và bà Y. Nay ông Nguyễn Trường C yêu cầu ông Huỳnh Hữu T và bà Trần Thị Mỹ D liên đới trả số tiền nợ gốc 399.000.000 đồng.

Số tiền cho vay là tiền của vợ chồng ông C, bà Y. Nay yêu cầu bị đơn trả tiền cho ông C, bà Y vốn 399.000.000 đồng và tiền lãi, tính từ ngày 07/5/2020 (ngày làm đơn khởi kiện) đến ngày xét xử ngày 17/8/2022 là 27 tháng 09 ngày, mức lãi 1%/tháng, thành tiền 108.927.000 đồng.

- Bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Bà D thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Trường C theo các biên nhận của ông C trình bày với số tiền 415.000.000 đồng, có trả cho ông C số tiền 46.000.000 đồng, còn nợ số tiền 369.000.000 đồng. Bà D không thừa nhận số tiền vay vào tháng 4/2019 số tiền 30.000.000 đồng (không có biên nhận). Nay bà D đồng ý trả số tiền 369.000.000 đồng và xin tiền lãi. Bà D không yêu cầu ông T liên đới trả nợ, vì tiền vay bà D sử dụng cá nhân, ông T không biết bà D vay tiền của ông C và không sử dụng tiền vay của ông C.

- Ông Huỳnh Hữu T có bà Nguyễn Thị Tuyết M đại diện trình bày:

Thời điểm bà D vay nợ của ông C, bà Y thì ông T không biết, do ông T đã ly thân với bà D (khoảng năm 2015). Khoảng tháng 5/2019, bà D vỡ nợ, ông C và bà Y có đòi nợ bà D nên bà D xin ông T trả 02 tháng tiền lãi vào tháng 7-8/2019, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, 2 tháng là 10.000.000 đồng. Ông T không có vay tiền của ông C, bà Y, không biết việc bà D vay tiền, không có sử dụng tiền do bà D vay nên không đồng ý liên đới trả nợ. Ông T không yêu cầu bà D trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Khoa Hoàng Y trình bày:

Tiền cho vay là tiền của vợ chồng bà Y, ông C. Bà Y thống nhất theo yêu cầu của ông C.

- Nguyễn Khoa Hoàng A và anh Huỳnh Trần Hữu Công G: Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Trường C.

Buộc bà Trần Thị Mỹ D trả cho ông Nguyễn Trường C và bà Nguyễn Khoa Hoàng Y số tiền vốn 369.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi chín triệu đồng) và tiền lãi 83.600.000 đồng (tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trường C yêu cầu bà D, ông T liên đới trả tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi 25.327.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trường C yêu cầu ông Huỳnh Hữu T liên đới cùng bà Trần Thị Mỹ D trả nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí số tiền 22.104.000 đồng.

Ông Nguyễn Trường C phải chịu án phí số tiền 3.066.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.975.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 004845, ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Cao Lãnh. Ông C được nhận lại số tiền chênh lệch 6.909.000 đồng.

Ông Huỳnh Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2022, ông Nguyễn Trường C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm: yêu cầu buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Huỳnh Hữu T liên đới trả số tiền nợ gốc là 399.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trường C, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trường C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như 10 giấy biên nhận nợ từ bút lục số 451 đến bút lục số 460; các giấy tính nợ từ bút lục số 98 đến bút lục số 100; các Biên bản lời khai ngày 01/12/2022, ngày 15/12/2022 của ông Nguyễn Trường C; Bản tường trình ngày 14/12/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 của bà Nguyễn Khoa Hoàng Y; Biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022 của bà Trần Thị Mỹ D, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Việc bà D nợ tiền ông C và bà Y với tổng số nợ gốc 445.000.000 đồng là có thật (trong đó có 415.000.000 đồng là có viết biên nhận và 30.000.000 đồng không viết biên nhận). Bởi: tại giấy ghi trả nợ (bút lục số 98) với 05 lần trả nợ của bà D được bà Y (vợ ông C) nhận và ký tên vào sổ cho con bà D là Huỳnh Trần Hữu Công G thể hiện tổng tiền trả là 46.000.000đ (bút lục số 98), tuy nhiên khi bà D kết sổ thì bà D lại ký sổ với bà Y về các lần trả nợ như trên tại bút lục số 99, 100 nhiều hơn số tiền đã ký vào sổ nợ của anh Công G. Cụ thể: Tại bút lục số 99, 100 thể hiện:

“- Ngày 30/9/2019 nhận 10.000.000đ (mười triệu) đã ký nhận trong sổ con của D đưa; Ngày 02/10/19 nhận của D 3.000.000đ; Tổng nhận: 13.000.000đ; Lãi NH -5.000.000đ; Trả gốc 8.000.000đ. Nợ gốc còn 437.000.000đ;

- Ngày 01/11/19 nhận 10.000.000đ (mười triệu) đã ký nhận trong sổ con của D đưa; Ngày 01/11/19 nhận của D 2.900.000đ; Tổng nhận 12.900.000đ; Lãi NH -4.900.000đ; Còn trả gốc 8.000.000đ. Nợ gốc còn 429.000.000đ;

- Ngày 29/11/19 nhận 10.000.000đ (mười triệu) đã ký nhận trong sổ của con D đưa; Ngày 01/12/19 nhận của D 1.000.000đ (một triệu); Tổng nhận 11.000.000đ; Lãi NH -4.800.000đ; Còn trả gốc 6.200.000đ. Nợ gốc còn 422.800.000đ;

- Ngày 03/03/20 nhận 4.750.000 + 7.000.000đ = 11.750.000đ; Lãi NH 4.750.000đ; Còn gốc trả 7.000.000đ. Nợ gốc 415.800.000đ”

Các lần tính nợ này bà D thừa nhận chỉ ký tên vào để xác nhận phần tiền đã trả cho bà Y chứ không ký xác nhận phần tổng nợ. Lời khai của bà D là

không có căn cứ, vì số tiền trả nợ được trừ dần cho đến lần ký trả nợ cuối cùng còn lại 415.800.000 đồng (tại các bút lục 99, 100) đã xác định được số 30.000.000 đồng tiền gốc (không viết biên nhận) nằm trong tổng số nợ mà bà Y đã tính vào sổ. Bản án sơ thẩm không xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ mà buộc bà D chỉ trả số nợ gốc có ghi biên nhận và số lãi là chưa đủ căn cứ.

[1.2] Đối với số nợ đã trả ghi ngày 23/4/20 (bút lục số 100) nhận 6.000.000 đồng (ký sổ con D đưa) lãi NH 4.680.000 đồng, trả gốc 1.320.000 đồng, bà Y thống nhất có nhận của anh Công G và được ghi nhận trong sổ của anh G, các bên thống nhất có trả vào ngày này là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Ông C yêu cầu tổng nợ là gốc 445.000.000 đồng, trừ đi các lần trả của chị D trong sổ ghi nợ của bà Y là 54.650.000 đồng (cụ thể: ngày 30/9/2019, ngày 02/10/2019 là 13.000.000 đồng; ngày 01/11/2019 là 12.900.000 đồng; ngày 29/11/2019, 02/12/2019 là 11.000.000 đồng; ngày 03/03/2020 là 11.750.000 đồng và ngày 23/4/2020 là 6.000.000 đồng) còn lại nợ gốc là 390.350.000 đồng, đồng thời tính lãi 0,83%/tháng từ ngày nộp đơn kiện 07/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2022, không tính lãi tại thời điểm vay nợ. Xét yêu cầu trên của ông C là phù hợp và có lợi cho bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Số tiền được tính như sau:

$$390.350.000đ \times \text{lãi } 0,83\% / \text{tháng} \times 27 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 87.574.500đ$$

Tại phiên tòa, anh Trần Đình H - người đại diện theo ủy quyền của ông C chỉ yêu cầu trả phần nợ gốc 390.350.000 đồng và số lãi trên 27 tháng là 87.477.000 đồng, xét là có căn cứ nên chấp nhận.

[1.3] Đối với yêu cầu của ông C về việc buộc ông T liên đới với bà D trả số nợ trên.

Tại phiên tòa, anh H đại diện cho ông C cho rằng: Việc bà D vay nợ thì ông T đều biết vì vợ chồng bà D, ông T và vợ chồng ông C thân thiết với nhau nên khi làm biên nhận thì chỉ để bà D ký nhận và ông T còn chuyển khoản trả lãi cho ông 10.000.000 đồng. Ngoài ra, còn file ghi âm lời thừa nhận của ông T về số nợ và các tin nhắn của bà D kêu ông T giúp trả số nợ.

Bà D cho rằng: Lúc bà vay tiền của ông C thì bà và ông T đã ly thân, bà vay tiền để mua bán hàng online và sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, không

liên quan đến ông T, còn người đại diện ủy quyền của ông T là chị Nguyễn Thị Tuyết M thì cho rằng: Ông T không biết việc vay tiền của bà D, số tiền 10.000.000 đồng mà ông T trả cho ông C là do bà D xin ông để trả lãi cho ông C khi bà D bị vỡ nợ, ông T không đồng ý liên đới với bà D trả số nợ trên.

Tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25, 26 của Luật này*”

Khoản 1 Điều 30 quy định: “*Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền của ông C thì chỉ do một mình bà D ký nhận nợ, ông T không ký tên; Công văn số 65/C09B ngày 23/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì từ chối giám định file ghi âm do không có mẫu so sánh tiếng nói của ông T, bà D; Công văn số 3285/TT.TCTK-ĐSTK ngày 07/12/2020 của Trung Tâm tính cước và thanh khoản M không cung cấp được nội dung tin nhắn di động. Mặt khác, bà D và ông T cho rằng tại thời điểm bà D vay nợ hai người đã ly thân nên không có cơ sở cho thấy bà D giao dịch vay nợ của ông C để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc ông T trả 10.000.000 đồng tiền lãi cho ông C cũng không đủ căn cứ để cho rằng ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Từ đó cho thấy không có cơ sở để buộc ông T liên đới với bà D trả số nợ trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản sơ thẩm và chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Nguyễn Trường C không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trường C.

- Sửa bản án sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trường C.

Buộc bà Trần Thị Mỹ D trả cho ông Nguyễn Trường C và bà Nguyễn Khoa Hoàng Y số tiền vốn 390.350.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi 87.477.000 đồng (tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trường C về việc buộc ông Huỳnh Hữu T liên đới cùng bà Trần Thị Mỹ D trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trường C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.975.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004845 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí số tiền 23.113.000 đồng.

Ông Huỳnh Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Trường C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0011552 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS thành phố Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Trúc Phương